Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 03.04.2020 11:09:10 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3681 /KH-UBND	*Đồng Nai, ngày 03 tháng 4 năm 2020*

KẾ HOẠCH
Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/ 01/ 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BCT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 200/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

Phần A:
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2019

I. Thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) 2016-2019

1. Về số lượng doanh nghiệp

Theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ, cụ thể số lượng doanh nghiệp CNHT như sau:

Tính đến hết ngày 31/12/2019, tổng lượng doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ là 664 dự án tăng 240 dự án so với năm 2015. Trong đó có 03 (cả nước có 35 doanh nghiệp) doanh nghiệp được xác nhận ưu đãi Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản xuất công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, chiếm 8,5% tổng số doanh

nghiệp được xác nhận ưu đãi trên cả nước, cụ thể: Công ty TNHH Dịch vụ sản xuất thiết bị Aureole, giấy xác nhận ưu đãi số 513/GXN-BCT ngày 19/01/2018; Công ty TNHH Chemtrovina, giấy xác nhận ưu đãi số 345/GXN-BCT ngày 24/4/2019 và Công ty TNHH Hyosung Việt Nam, giấy xác nhận ưu đãi số 10688/GXN-BCT ngày 27/12/2018.

Phân theo nhóm ngành công nghiệp, trong 664 doanh nghiệp CNHT, códoanh nghiệp CNHT ngành dệt - may có 148 DN, chiếm 22,3% trong tổng số DN CNHT; Doanh nghiệp CNHT ngành da - giày có 97 DN, chiếm 14,5% trong tổng số DN ngành CNHT; Doanh nghiệp ngành CNHT ngành điện tử có 87 DN, chiếm 13,1% trong tổng số DN ngành CNHT; Doanh nghiệp CNHT ngành cơ khí chế tạo có 252 DN, chiếm 38% tổng số DN CNHT; Doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm CNHT cho ngành công nghiệp khác 80, chiếm 12,1% trong tổng số doanh nghiệp ngành CNHT.

Phân theo khu vực kinh tế, trong tổng số 664 doanh nghiệp CNHT, có: dự án CNHT chỉ có 389 dự án CNHT (gồm FDI và trong nước) đang hoạt động trong KCN, chiếm 58,6%; riêng 139 dự án CNHT trong nước chỉ có 20 dự án hoạt động trong khu công nghiệp, chiếm tỷ lệ 14,4%, **còn lại 85,6% (119 doanh nghiệp trong nước) hoạt động ngoài khu công nghiệp.**

2. Về giá trị SXCN ngành công nghiệp hỗ trợ (theo giá SS2010)

Giá trị sản xuất ngành CNHT ước năm 2019 chiếm 21,42% trong cơ cấu GTSXCN ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó: cơ khí chế tạo chiếm 19,34%; điện - điện tử chiếm 19,02%; Dệt may chiếm 35,15%; da giày chiếm 21,50%, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp khác chiếm 4,99% (số liệu không bao gồm 62 dự án trong khu công nghiệp được cấp mới trong năm 2019).

3. Về số lượng lao động

Tổng số lao động ngành CNHT trên địa bàn tỉnh năm 2018 có 150.841 người, ước năm 2019 đạt 154.987 người. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2018 là 10,48%. Số lượng lao động ngành CNHT chiếm 20,00% trong cơ cấu lao động ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Về giá trị xuất khẩu

Giá trị xuất khẩu ngành CNHT năm 2018 ước đạt 9.564.796 ngàn USD, ước năm 2019 đạt 10.178.440 ngàn USD, tốc độ tăng 6,42% so với cùng kỳ năm 2018. Giá trị xuất khẩu ngành CNHT chiếm 52,0% trong cơ cấu giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp của tỉnh.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Qua phân tích đánh giá thực trạng phát triển các ngành CNHT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2016-2019, cho thấy ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tập trung vào các nhóm ngành: dệt – may, da – giày, điện tử, cơ khí chế tạo, CNHT cho ngành công nghiệp công nghệ cao.

Đóng góp giá trị sản xuất công nghiệp 21,4% trong cơ cấu GTSXCN toàn ngành công nghiệp, 52,0% trong cơ cấu giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp của tỉnh, thu hút 20,0% số lao động trong cơ cấu lao động toàn ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển của ngành CNHT của tỉnh đã góp phần phát triển kinh tế của địa phương theo hướng bền vững.

2. Một số tồn tại:

Số lượng doanh nghiệp CNHT trong nước (Việt Nam) trên địa bàn tỉnh còn quá ít, quy mô doanh nghiệp nhỏ, năng lực vốn, công nghệ, năng sản xuất còn rất hạn chế, chỉ có khả năng tham gia vào một số lĩnh vực CNHT không đòi hỏi cao về kỹ thuật công nghệ và kỹ năng sản xuất, nên tỷ lệ gia công ở các ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng rất cao.

Các nhà đầu tư FDI trên thực tế ít quan tâm đến phát triển các doanh nghiệp CNHT nội địa. Ngược lại các doanh nghiệp nội địa vì nhiều lý do khác nhau, trong điều kiện sản xuất kinh doanh của mình, khó tiếp cận với các doanh nghiệp FDI. Nên chưa có sự kết nối giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp CNHT trong nước. Hiện nay, các DN FDI phát triển hệ thống nhà cung ứng nguyên phụ liệu đầu vào chủ yếu là doanh nghiệp FDI với nhau, do đó chưa có sự chuyển giao công nghệ giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam từng bước làm chủ công nghệ và quản lý sản xuất.

Hầu hết các doanh nghiệp FDI ngành công nghiệp hỗ trợ sử dụng nguyên vật liệu, linh phụ kiện nhập khẩu, hoặc nguyên vật liệu, linh phụ kiện do doanh nghiệp FDI sản xuất, do doanh nghiệp CNHT trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng, chất lượng, giá cả và thời gian giao hàng của các doanh nghiệp FDI. Mặt khác, khi doanh nghiệp trong nước đáp ứng được yêu cầu nhưng khi thực hiện hợp đồng gia công thì doanh nghiệp trong nước khó có cơ hội lựa chọn nguyên phụ liệu nội địa để sản xuất mà phải mua nguyên phụ liệu theo chỉ định của công ty mẹ, nhập khẩu hoặc mua của các công ty FDI đang hoạt động trong nước.

Sự liên kết giữa các DN công nghiệp chủ yếu vẫn diễn ra giữa các doanh nghiệp FDI với nhau. Các DN trong nước chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị các ngành công nghiệp chế tạo của thế giới như: cơ khí, điện-điện tử, dệt may, giày dép.... Các nguyên vật liệu, linh kiện phụ tùng chủ yếu vẫn do các doanh nghiệp FDI cung cấp.

Sản phẩm CNHT có hàm lượng công nghệ cao còn ít, chủ yếu là gia công và lắp ráp cụm linh kiện, sản xuất sản phẩm thâm dụng lao động là chính. Giá trị nhập khẩu đầu vào của các doanh nghiệp còn cao, điều đó phản ánh CNHT trong nước còn yếu, ngành công nghiệp tạo ra giá trị gia tăng thấp, sử dụng nhiều lao động.

Chưa thu hút được các Tập đoàn đa quốc gia đầu tư có tiềm lực mạnh về vốn, công nghệ để làm đầu tầu thúc đẩy hình thành hệ thống doanh nghiệp CNHT phục vụ cho các doanh nghiệp này.

3. Nguyên nhân tồn tại

Thiếu sự liên kết giữa các DN trong nước và doanh nghiệp FDI. Việc thiếu tính liên kết xuất phát từ một số lý do như:

- Năng lực sản xuất của các DN trong nước còn rất hạn chế về nhiều mặt (vốn, công nghệ, nhân lực, quản lý, tính liên kết hợp tác...) nên sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu của các công ty FDI. Các nhà cung ứng trong nước muốn tham gia được vào chuỗi cung ứng toàn cầu thì phải sản xuất theo tiêu chuẩn toàn cầu, đây là một thách thức không nhỏ đối với các DNNVV trong nước.

- Các doanh nghiệp FDI, thông thường đã có riêng hệ thống vệ tinh quen thuộc trên thế giới, hơn nữa cùng với quá trình hội nhập, các quy định thuế quan ngày càng được nới lỏng, các doanh nghiệp FDI có xu thế sử dụng các nhà cung cấp của hệ thống này hơn là phối hợp cùng phát triển với các DN nội địa.

- Các chính sách hỗ trợ và ưu đãi phát triển CNHT được Chính phủ ban hành theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP nhìn chung chưa đi vào thực tiễn. Cụ thể:

+ Từ khi Nghị định 111/2015/NĐ-CP ban hành đến cuối năm 2018, cả nước mới có 23 giấy xác nhận ưu đãi trên 35 hồ sơ đề nghị, các dự án được xác nhận ưu đãi chủ yếu tập trung vào nhóm doanh nghiệp FDI. Ngày 19/12/2018, tại Hà Nội, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chủ trì Hội nghị về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam. Tại Hội nghị, cũng xác nhận CNHT còn kém phát triển, mà nguyên nhân được xác định là thiếu chính sách đủ mạnh để tăng cường năng lực doanh nghiệp công nghiệp tư nhân.

+ Ví dụ cụ thể quy định ưu đãi về chính sách đất đai và môi trường, theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định những ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, cũng như việc xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển – đặc biệt là cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, trong pháp luật về đất đai và môi trường không có các quy định đặc thù và rõ ràng về các ưu đãi này cho các dự án CNHT, do đó, chưa có doanh nghiệp CNHT nào tiếp cận được với các ưu đãi nói trên.

+ Đồng thời, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước rất khó tiếp cận mặt bằng sản xuất trong Khu, Cụm công nghiệp. Theo thống kê, tỷ lệ lấp đầy các KCN bình quân đạt 78,44%, cụ thể số lượng dự án đã thu hút tổng cộng 1.727 dự án, trong đó số lượng dự án FDI là 1.263 dự án, chiếm hơn 73%, đa phần là các doanh nghiệp có quy mô lớn và vừa.

Phần B:
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung:

- Tạo điều kiện để doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có mặt bằng sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nâng khả năng liên kết của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao năng lực cung ứng, đầu tư phát triển chất lượng nguồn nhân lực để tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển các ngành CNHT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua việc nâng cao năng lực doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNHT trên địa bàn; Nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp CNHT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu.

- Thu hút đầu tư từ mọi thành phần kinh tế vào lĩnh vực CNHT nhằm gia tăng số lượng và chất lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Trong giai đoạn từ năm 2021-2025, phấn đấu tỷ lệ nội địa hóa của nhóm ngành CNHT theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ đến năm 2025, tăng bình quân từ 2% - 5%.

- Đến hết năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp của CNHT chiếm khoảng 21% đến 23% giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Hoàn thiện thông tin dữ liệu doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ, tạo cầu nối gắn kết doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trên địa bàn tỉnh.

II. Nội dung

1. Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung ương, thông qua các nội dung sau:

1.1. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi theo quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 và Thông tư 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015

a) Mục tiêu:

Bình quân mỗi năm hướng dẫn 02 doanh nghiệp thực hiện thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

b) Nội dung thực hiện:

- Thông qua các kênh báo đài, Website, văn bản: Thông tin đến các doanh biết về chính sách theo quy định.

- Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục hồ sơ để được cấp giấy xác nhận ưu đãi doanh nghiệp CNHT theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển CNHT và Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

- Chủ trì phối hợp các sở ngành, thẩm định sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ cụ thể: Thẩm định về thủ tục pháp lý của dự án; Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án; Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án; Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

- Cấp giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

c) Đơn vị thực hiện;

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp: thành viên Đoàn thẩm định: các Sở: Tài chính; Kế hoạch – Đầu tư; Tài nguyên – Môi trường; Xây dựng; Khoa học – Công nghệ và UBND cấp huyện (nơi doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh).

1.2. Triển khai chính sách theo Nghị quyết số 200/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Mục tiêu:

Mỗi năm hỗ trợ cho 04 doanh nghiệp được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 200/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025

b) Nội dung thực hiện:

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 200/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, thông qua các hoạt động sau:

+ Rà soát quỹ đất sạch tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng chuyên mục và phổ biến thông tin về quỹ đất, nhà xưởng cho thuê, giá thuê để doanh nghiệp tham khảo.

+ Tiếp nhận và tổng hợp nhu cầu về mặt bằng sản xuất của doanh nghiệp CNHT; tổ chức các buổi tiếp xúc, giới thiệu và kết nối giữa doanh nghiệp có

nhu cầu về mặt bằng sản xuất với chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp cụm công nghiệp.

+ Vận động di dời và thu hút dự án CNHT của các DNNVV vào sản xuất, kinh doanh và thủ hưởng hỗ trợ theo nội dung Nghị quyết 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019.

- Tạo mặt bằng sản xuất, kinh doanh ổn định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ:

+ Dự kiến các CCN đã được quy hoạch để thành lập CCN chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ (dự kiến: CCN xã Đồi 61 – huyện Trảng Bom và CCN Trị An, CCN Tân An 2 – huyện Vĩnh Cửu); Bố trí kinh phí ứng vốn bồi thường, tạo quỹ đất sạch đấu giá quyền sử dụng đất, thu hút nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN.

+ Hướng dẫn triển khai các thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thu hút dự án thứ cấp CNHT vào sản xuất kinh doanh.

+ Đánh giá, tổng kết mô hình thí điểm phân khu CNHT, định hướng quy hoạch phân khu CNHT giai đoạn tiếp theo.

+ Định hướng điều chỉnh/ bổ sung danh mục Khu, Cụm CCN sau năm 2020.

- Nghiên cứu mô hình dự án "Trung tâm doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản" với quy mô 182.281m^2 tại KCN Nhơn Trạch 3 do Tổng Công ty Tín Nghĩa đầu tư; đề xuất tham mưu về việc ưu tiên dành tỷ lệ đất công nghiệp (tối thiểu 20% tổng diện đất công nghiệp) cho DNNVV có dự án sản xuất sản phẩm CNHT làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các KCN dự kiến điều chỉnh/ bổ sung sau năm 2020.

c) Mức hỗ trợ: Theo Nghị quyết số 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025.

d) Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế khuyến công hàng năm.

e) Đơn vị thực hiện:

- Cơ quan chủ trì:

+ Sở Công Thương chủ trì triển khai Nghị quyết 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về cụm công nghiệp; thu hút di dời các dự án thứ cấp thuộc lĩnh vực CNHT vào sản xuất, kinh doanh.

+ Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về khu công nghiệp; thu hút di dời các dự án thứ cấp thuộc lĩnh vực CNHT vào sản xuất, kinh doanh

+ Sở Kế hoạch – Đầu tư chủ trì tham mưu về việc điều chỉnh/ bổ sung danh mục Khu công nghiệp giai đoạn sau năm 2020.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan theo quy định tại Quyết định 4416/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đầu tư phát triển, mở rộng thị trường; kết nối cung cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

a) Mục tiêu

Kết nối, giới thiệu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh (dự kiến từ 3-5 doanh nghiệp/năm) tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; kết nối trực tiếp cung cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ giữa các doanh nghiệp.

b) Nội dung thực hiện

- Tổ chức hội nghị kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ định kỳ hàng năm. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các triển lãm trong nước và quốc tế có liên quan liên quan cụ thể: Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Hội chợ, xúc tiến tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài, tập trung ở khu vực ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, EU (1-2 Hội chợ/năm, mỗi Hội chợ khoảng 2-3 doanh nghiệp); Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, xúc tiến tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm ở trong nước (2 Hội chợ/năm, mỗi Hội chợ khoảng 5-10 doanh nghiệp).

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về công nghiệp hỗ trợ thông qua hội nghị, hội thảo, tọa đàm và tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Xây dựng và tổ chức chương trình xúc tiến nước ngoài nhằm tạo cơ hội cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thành phố và doanh nghiệp các nước tiếp xúc, tìm hiểu kinh doanh và đầu tư;

- Hỗ trợ quảng bá và đăng ký thương thiệu sản phẩm CNHT;

- Tổ chức các diễn đàn giữa doanh nghiệp CNHT Đồng Nai với các doanh nghiệp CNHT các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

c) Đơn vị thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương (Trung tâm Xúc tiến Thương mại tỉnh).

- Cơ quan phối hợp: Các Sở: Kế hoạch – Đầu tư, Tài chính, Công Thương và Ban Quản lý các Khu công nghiệp,

3. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất:

a) Mục tiêu: Hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới máy móc thiết bị và cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm mới thân thiện với môi trường,... nâng cao năng lực cung ứng và khả năng đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quốc tế.

b) Nội dung thực hiện:

- Khảo sát, đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp.

- Lựa chọn các doanh nghiệp trong nước có năng lực, thực hiện chuyển giao công nghệ; áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại nhằm sử dụng tối ưu các máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn về công nghệ và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của của tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hướng tới tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu;

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, nâng cao năng suất chất lượng góp phần giá trị gia tăng cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tận dụng cơ hội và tiếp thu thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào kỹ thuật sản xuất của doanh nghiệp trong nước.

- Kết nối chuyên gia trong và ngoài nước để hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực CNHT trên nguyên tắc kết hợp giữa tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt đón đầu với cách tiếp cận tiệm tiến nhằm tận dụng tối đa lợi thế và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ, bảo đảm chất lượng và hiệu quả cao.

c) Đơn vị thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học – Công nghệ

- Cơ quan phối hợp: các Sở: Công Thương, Kế hoạch – Đầu tư và Ban Quản lý các Khu công nghiệp

4. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

a) Mục tiêu: Tăng cường liên kết giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trung tâm đào tạo trong và ngoài nước với doanh nghiệp.

b) Nội dung thực hiện:

- Điều tra, khảo sát, xây dựng hệ thống thông tin nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp theo các cấp trình độ, ngành nghề;

- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ, năng lực quản trị, năng suất sản xuất và quản trị chất lượng sản phẩm cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ;

- Tổ chức khóa đạo tạo cán bộ quản lý nhà nước về chính sách, quản lý, công nghệ và thương mại.

- Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghề cho công nhân; gắn kết các Hội ngành nghề, doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trung tâm đào tạo trong và ngoài nước với doanh nghiệp;

- Phối hợp cơ sở giáo dục, đào tạo, doanh nghiệp đầu cuối, FDI (ví dụ: Samsung Việt Nam...) để tư vấn, hỗ trợ công tác đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân lực quản lý, quản trị sản xuất, đội ngũ kỹ thuật, công nghệ.

c) Đơn vị thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp), Liên đoàn Lao động tỉnh và các Hiệp hội ngành nghề.

5. Thu thập, hoàn thiện thông tin dữ liệu về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

a) Mục tiêu:

- Hoàn thiện và cập nhật thông tin về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm tăng cường liên kết cũng như nâng cao khả năng quảng bá giới thiệu năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công bố thông tin và xuất bản ấn phẩm về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

b) Nội dung thực hiện

- Khảo sát, thu thập thông tin về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và chính sách liên quan;

- Biên tập và phát hành các ấn phẩm, tài liệu về công nghiệp hỗ trợ (bao gồm thông tin về quỹ đất công nghiệp sạch, ưu tiên thu hút nhóm ngành CNHT và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Trung ương và địa phương);

- Duy trì và cập nhật dữ liệu ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

c) Đơn vị thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch – Đầu tư, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và các cơ quan báo, đài.

III. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch cho giai đoạn 2020 - 2025 từ:

- Kinh phí Chương trình phát triển CNHT của Trung ương thông qua các Đề án do Bộ Công Thương phê duyệt (nếu có).

- Kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025 được bố trí bổ sung nguồn sự nghiệp kinh tế khuyến công hàng năm.

- Các Sở, ngành địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, lập dự toán kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ nội dung, nhiệm vụ thực hiện của Kế hoạch này và các chính sách liên quan, hàng năm Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

Là cơ quan thường trực thực hiện Kế hoạch này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được phân công và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 31/12 hàng năm.

b) Phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan lập kế hoạch và dự kiến kinh phí thực hiện phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện thành lập đoàn thẩm định hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ và hồ sơ đề nghị xác nhận hỗ trợ theo Quyết định 4416/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

d) Trên cơ sở Kế hoạch Phát triển CNHT của tỉnh, ban hành kế hoạch triển khai hàng năm.

e) Phối hợp Bộ Công Thương trong công tác thông tin và triển khai các hoạt động hỗ trợ, trợ giúp doanh nghiệp thuộc Chương trình phát triển CNHT quốc gia trên địa bàn tỉnh.

f) Chủ trì đôn đốc, giám sát, kiểm tra hoạt động triển khai, kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch từng năm và cả giai đoạn; thường xuyên theo dõi, rà soát cơ chế, chính sách đề xuất của Trung ương để sửa đổi, bổ sung, ban hành cho phù hợp thực tế trên địa bàn tỉnh.

g) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh, để triển khai các nội dung kế hoạch và có trách nhiệm phối hợp các đơn vị thụ hưởng quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

- Nghiên cứu, đề xuất những cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư vào lĩnh vực CNHT.

- Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển CNHT.

3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các hoạt động thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và triển khai các cơ chế, giải pháp khuyến khích, hỗ trợ đổi mới khoa học công nghệ, nâng cao năng lực doanh nghiệp CNHT.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nội dung, chương trình của Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách nhằm khuyến khích, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

- Chủ trì tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNHT về chính sách, quản lý...

6. Các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố

- Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của đơn vị, các Sở, ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Nai, Báo Đồng Nai; UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện.

7. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề

Phối hợp các Sở, ngành, đơn vị triển khai các nội dung, chương trình của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp là hội viên về chủ trương, định hướng, cơ chế chính sách phát triển CNHT và các nội dung hỗ trợ của Kế hoạch; là đầu mối kết nối, nắm bắt khó khăn của doanh nghiệp, chủ động đề xuất UBND tỉnh Đồng Nai giải pháp hỗ trợ kịp thời.

8. Đơn vị thụ hưởng

Các doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia hoạt động phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, phối hợp, cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động của đơn vị cho cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai chính sách, thẩm định kinh phí hỗ trợ, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của tài liệu, thông tin mà doanh nghiệp đã cung cấp. Trường hợp được hỗ trợ phải có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, phối hợp thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đúng quy định.

V. Chế độ báo cáo

Các Sở, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ 6 tháng (trước ngày 10/6), năm (trước ngày 10/12), theo yêu cầu về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Công Thương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan đơn vị kịp thời phản ánh gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai, Bộ Công Thương xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- UBND các huyện, TP BH,LK;
- Chánh, Phó Văn Phòng KTN;
- Lưu VT, KTN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ thực hiện kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 3681../KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng/ năm	Cơ quan thực hiện	
				Chủ trì	Phối hợp
I	**Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung ương**				
1	Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi theo quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 và Thông tư 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015	Doanh nghiệp	02	Sở Công Thương	Các Sở ngành, UBND các huyện, và thành phố
2	Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan tổ chức thẩm định và cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển của DNNVV	Doanh nghiệp	01	Sở Công Thương	Các Sở ngành, UBND các huyện, và thành phố
II	**Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm CNHT**				
1	Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ, năng lực quản trị, năng suất sản xuất và quản trị chất lượng sản phẩm cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.	Khóa đào tạo	01	Sở Công Thương	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề
2	Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghề cho công nhân	Người	350 - 400	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Công Thương; Liên đoàn lao động tỉnh và UBND các huyện, và thành phố

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng/ năm	Cơ quan thực hiện	
				Chủ trì	Phối hợp
3	Tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về chính sách, quản lý, công nghệ và thương mại	Khóa đào tạo	01	Sở Công Thương	Sở Lao động, Thương Binh và Xã Hội, các Hiệp hội ngành nghề
III	**Tạo mặt bằng sản xuất, kinh doanh ổn định cho các DNNVV thuộc lĩnh vực CNHT trên địa bàn**				
1	Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh				
1.1	Rà soát quỹ đất sạch tại các Khu, Cụm CN trên địa bàn	Định kỳ triển khai 06 tháng/ năm		Liên ngành: Ban Quản lý các Khu công nghiệp và UBND cấp huyện	Sở Công Thương,
1.2	Tổ chức các buổi tiếp xúc, giới thiệu và kết nối giữa doanh nghiệp có nhu cầu về mặt bằng sản xuất với chủ đầu tư hạ tầng các Khu, Cụm CN	Hội nghị	01	Liên ngành: Công Thương và Ban Quản lý các KCN	Sở Kế hoạch – Đầu tư và UBND các huyện, thành phố
1.3	Vận động di dời và thu hút dự án CNHT của các DNNVV vào sản xuất, kinh doanh và thủ hưởng hỗ trợ theo nội dung Nghị quyết 200/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	Doanh nghiệp	04	Sở Công Thương	Các Sở, ngành liên quan theo quy định tại Quyết định 4416/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh
2	Tạo mặt bằng sản xuất, kinh doanh ổn định cho các DNNVV thuộc lĩnh vực CNHT				
2.1	Định hướng thành lập CCN chuyện ngành CNHT	03 CCN giai đoạn 2020-2025: CCN xã Đồi 61 – huyện Trảng Bom; CCN Trị An, CCN Tân An 2 – huyện Vĩnh Cửu		Sở Công Thương	Các Sở:Tài chính, Kế hoạch – đầu tư, Tài nguyên – Môi trường; Xây dựng và UBND huyện Trảng Bom và huyện Vĩnh Cửu
2.2	Hướng dẫn triển khai các thủ tục đầu tư, xây dựng, nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thu hút dự án thứ cấp thuộc lĩnh vực CNHT vào sản xuất, kinh doanh	Hội nghị	01	Sở Công Thương	Các Sở, ngành liên quan theo quy định tại Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng/ năm	Cơ quan thực hiện	
				Chủ trì	Phối hợp
					05/7/2018
2.3	Rà soát, điều chỉnh/ bổ sung danh mục KCN tỉnh Đồng Nai sau năm 2020			Sở Kế hoạch – Đầu tư	Các Sở, ngành liên quan theo chỉ đạo
2.4	Đánh giá, tổng kết mô hình thí điểm phân khu CNHT, định hướng quy hoạch phân khu CNHT giai đoạn tiếp theo			Ban Quản lý các KCN	Các Sở: Công Thương, Kế hoạch – Đầu tư, Tài nguyên – Môi trường, Xây dựng và Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng phân khu CNHT
2.5	Rà soát, điều chỉnh/ bổ sung danh mục CCN tỉnh Đồng Nai sau năm 2020			Sở Công Thương	Các Sở, ngành liên quan theo chỉ đạo
3	Nghiên cứu mô hình dự án "Trung tâm doanh nghiệp nhỏ và vừa Nhất Bản" tại KCN Nhơn Trạch 3 do Tổng Công ty Tín Nghĩa đầu tư; đề xuất tham mưu ưu tiên tối thiểu 20% tổng diện tích đất công nghiệp cho DNNVV có nhu cầu vào sản xuất kinh doanh trong các KCN dự kiến điều chỉnh/ bổ sung sau năm 2020.			Ban Quản lý các KCN	Các Sở: Công Thương, Kế hoạch – Đầu tư, Tài nguyên – Môi trường, Xây dựng và Tổng Công ty Tín Nghĩa
IV	**Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ**				
1	Tổ chức các diễn đàn giữa doanh nghiệp CNHT Đồng Nai với các doanh nghiệp CNHT các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, các doanh nghiệp trong và ngoài nước (khoảng 60 doanh nghiệp)	Hội nghị	01	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	Các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, BQL các KCN
2	Xây dựng và tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào CNHT	Chương trình	01	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	Các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; BQL các KCN
3	Hỗ trợ quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm CNHT	Doanh nghiệp	Theo nhu	Liên Sở: Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng/ năm	Cơ quan thực hiện	
				Chủ trì	Phối hợp
			cầu	và Công Thương	
4	Tham gia hội chợ, xúc tiến tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài.	Hội chợ, triển lãm	Theo nội dung Chương trình xúc tiến thương mại đã được UBND tỉnh phê duyệt	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	BQL các KCN, Sở Công Thương và Sở Kế hoạch – Đầu tư; các Hiệp hội ngành nghề
5	Tham gia hội chợ, xúc tiến tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm ở trong nước.	Hội chợ, triển lãm		Trung tâm Xúc tiến Thương mại	BQL các KCN, Sở Công Thương và Sở Kế hoạch – Đầu tư; các Hiệp hội ngành nghề
V	**Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất**				
1	Khảo sát, đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Theo đề xuất	Sở Khoa học – Công nghệ	Các Sở: Công Thương, Kế hoạch – Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp; các Hiệp hội ngành nghề.
	Lựa chọn, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp nhận, chuyển giao và áp dụng các hệ thống quản lý trong quản trị sản xuất	Doanh nghiệp	02		
	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật về quản trị, sản xuất				
	Tư vấn về ứng dụng chuyển giao, phát triển công nghệ, các hệ thống quản trị sản xuất phù hợp theo nhu cầu của DN CNHT		Theo đề xuất		

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng/ năm	Cơ quan thực hiện	
				Chủ trì	Phối hợp
	Kết nối chuyên gia trong và ngoài nước để hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh				
VI	**Cập nhật dữ liệu doanh nghiệp ngành CNHT**				
1	Điều tra, khảo sát doanh nghiệp CNHT trên địa bàn tỉnh các nội dung sau: *thông tin nhu cầu nhân lực; nhu cầu mặt bằng sản xuất kinh doanh, mở rộng sản xuất của doanh nghiệp; khả năng và nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp; các thông tin khác phục vụ xây dựng và vận hành trang thông tin cơ sở dữ liệu ngành CNHT*	Doanh nghiệp	650	Sở Công Thương	Các Sở: Khoa học và công nghệ, Lao động, Thương Binh và Xã hội, BQL các KCN và UBND các huyện, thành phố
2	Thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về CNHT: điều tra, đánh giá tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ…Xây dựng chuyên mục và phổ biến thông tin về quỹ đất công nghiệp sạch, ưu tiên thu hút nhóm ngành CNHT			Sở Công Thương	Các Sở: Khoa học và công nghệ, BQL các KCN và UBND các huyện, thành phố
3	Biên tập và phát hành các ấn phẩm, tài liệu về công nghiệp hỗ trợ.	Tài liệu	Theo nhu cầu	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Duy trì và cập nhật dữ liệu ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh			Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông